

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 14 - 6 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung

2. Ông Trần Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Cẩm V, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 33/12 đường ĐX, Khu 1, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Số 111/2/5 Khu phố 8, phường A, thành phố M, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0562.050.424, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Lâm S, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 33/12 đường ĐX, Khu 1, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0908.161.106, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm V trình bày:

Bà V và ông Đỗ Lâm S là vợ chồng, chung sống với nhau năm 2015, đăng ký kết hôn ngày 13/3/2015 tại UBND phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Sau khi kết hôn, bà V và ông S sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn. Thời gian còn lại sau này thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn do cả hai không hiểu và thông cảm cho nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế trong gia đình, về nuôi dạy con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn yêu thương, quan tâm lẫn nhau. Hiện nay, bà V nhận thấy không thể chung sống với ông S nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông S.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà V và ông S có 01 con chung là Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 06/5/2015. Sau khi ly hôn, bà V yêu cầu ông S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm V đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *CMND, sổ hộ khẩu của bà V (bản photo chứng thực); Giấy chứng nhận kết hôn của bà V, ông S (bản sao); Giấy khai sinh của Đỗ Thị Thùy Linh (bản photo chứng thực).*

- Tại bản tự khai đề ngày 27/4/2022 và ngày 16/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Lâm S trình bày:

Ông S thống nhất lời trình bày của bà V về thời gian sống chung, ngày tháng năm đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông S thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau cách nay hai năm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay, bà V yêu cầu ly hôn, ông S đồng ý.

Về con chung: Sau khi ly hôn, ông S yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 06/5/2015. Do hiện nay cháu L đang sống chung với ông S, bà V bỏ cháu L ra đi, không quan tâm chăm sóc con, không có trách nhiệm với con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông S yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Lâm S đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *Bản tự khai đề ngày 27/4/2022 của ông S (bản chính); Giấy CMND của ông S (bản photo).*

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm V trình bày: Bà V giữ nguyên yêu cầu ly hôn; về con chung và cấp dưỡng nuôi con, do hiện nay bà V chưa có việc làm ổn định nên không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp ông S không nuôi con bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Bà V không giao nộp thêm chứng cứ cho Tòa án.

- Bị đơn ông Đỗ Lâm S giữ nguyên yêu cầu, ý kiến của mình, không giao nộp thêm chứng cứ cho Tòa án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Cẩm V và ông Đỗ Lâm S là vợ chồng hợp pháp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh không thể hòa giải, bà V đã bỏ nhà đi từ năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà V nộp đơn yêu cầu ly hôn, ông S đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của bà V, ông S theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà V, ông S có 01 con chung là Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 06/5/2015. Hiện tại, cháu L đang sinh sống cùng ông S và có nguyện vọng được sống cùng ông S. Bà V yêu cầu ông S trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, ông S đồng ý nhưng yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bà L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định người nào không trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bà V cấp dưỡng nuôi cháu L số tiền 2.000.000 đồng/tháng là có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Bà V, ông S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Bà V nộp đơn yêu cầu ly hôn

với ông S do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không còn yêu thương, quan tâm lẫn nhau. Ông S thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, hiện tại đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đồng ý ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của bà V, ông S là tự nguyện, phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa chấp nhận.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian sống chung, bà V, ông S có 01 con chung là Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 06/5/2015. Sau khi ly hôn, bà V yêu cầu ông S trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà V không cấp dưỡng nuôi con do hiện tại bà V chưa có việc làm ổn định. Trường hợp ông S không đồng ý nuôi con, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung hiện nay đang sống chung với ông S và có nguyện vọng được sống cùng ông S sau khi bà V, ông S ly hôn, đồng thời ông S có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, do đó Tòa giao con chung Đỗ Thị Thùy L cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Bà V không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng ông S yêu cầu, thấy rằng: Số tiền trên không quá lớn so với mức thu nhập của một người lao động phổ thông, không ảnh hưởng nhiều đến kinh tế của bà V, nếu bà V chịu khó, siêng năng lao động; số tiền trên phù hợp chi phí hợp lý để ông S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Do đó, Tòa buộc bà V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đỗ Thị Thùy L 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà V, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Về án phí ly hôn : Bà V, ông S mỗi người phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng) do bà V, ông S đã thuận tình ly hôn trước khi Tòa án mở phiên tòa theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà V phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng trước đây.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên:

1. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm V và bị đơn ông Đỗ Lâm S về việc ly hôn, nuôi con chung.

Về hôn nhân: Bà V và ông S thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 06/5/2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm V đối với bị đơn ông Đỗ Lâm S, xử: Buộc bà Võ Thị Cẩm V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đỗ Thị Thùy L mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà V. Bà V không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của ông S. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày ông S có đơn yêu cầu thi hành án về việc cấp dưỡng nuôi con, nếu bà V chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà V, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Về án phí ly hôn : Bà V, ông S mỗi người nộp 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà V nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001079, ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình